

Lịch Sử Đức Phật Tổ Cô Đàm
Maha Thongkham Medhivongs

THIÊN THỨ MƯỜI BA (c)

**NHỮNG CHUYỆN LẠ XẢY RA TRONG BỐN MƯƠI LĂM NĂM
TRUYỀN ĐẠO CỦA ĐỨC PHẬT TỔ CÔ ĐÀM (tt)**

-ooOoo-

HÓA ĐỘ NGƯỜI NGOẠI ĐẠO TÊN JAMBUJIVAKA

Khi đức Thế Tôn ngự tại Trúc Lâm tịnh xá có thuyết chuyện độ ông ngoại đạo tên là Jambujivaka rằng:

Đời Đức Phật có hồng danh là KASSAPA (Tàu âm Ca Diếp). Ở nơi ngoại ô, có một ông bá hộ hết lòng trong sạch với Phật giáo nên ông tự lập ra một ngôi chùa và dâng cúng đến một vị Tỷ khuru. Ông bá hộ thường dâng cúng tứ vật dụng rất trọng thể đến vị Tỷ khuru ấy hằng ngày. Ngày nọ, có một vị Thánh Nhơn đi khát thực ngang qua nhà ông bá hộ. Ông bá hộ trông thấy vị Thánh Nhơn ấy phát tâm trong sạch về phẩm hạnh của Ngài, nên thỉnh Ngài vào nhà dâng cúng vật thực, và dâng y tắm mưa cho Ngài. Rồi bạch rằng: Bạch Đại Đức, tóc của Ngài đã dài, tôi xin gọi thợ cạo đến cạo râu Ngài, và sẽ cho người đem giường đến chùa để Ngài nghỉ.

Vị Tỷ khuru hằng thọ thực tại nhà ông ấy hằng ngày thấy ông bá hộ trong sạch với vị Thánh Tăng ấy mới nghĩ rằng: Ông bá hộ cúng dường nhiều đến vị Tỷ khuru vừa mới gặp; không cúng dường cho ta được như thế này khi ta ở đây đã lâu rồi.

Ông thọ thực xong cùng đi về chùa với vị Thánh Tăng mới đến. Khi về tới chùa vị Thánh Tăng liền nhuộm y tắm mưa của ông bá hộ dâng cúng. Ông bá hộ đưa thợ đến cạo cho Ngài và cũng đem chỗ ngủ đến dâng cho Ngài. Ông bá hộ liền bạch với vị Thánh Tăng ấy rằng: Xin Ngài nghỉ nơi đây, rồi sáng ngày xin thỉnh Ngài đến thọ thực ở nhà tôi với Ngài trụ trì đây. Ông trụ trì lấy làm khó chịu với sự mời thỉnh của thí chủ. Ông nghĩ bực lòng nên chiêu lại vị trụ trì đến chỗ của Ngài Đại Đức kia mắng vị Đại Đức ấy nhiều lời nhưng có bốn điều là: Nay ông Tỷ khuru mới đến kia, ông nên ăn phân đi còn hơn là ăn đồ vật thực của người thí chủ này. Ông nên cạo đầu bằng bẹ cây thốt nốt đi còn hơn là ông để cho người thợ cạo của ông thí chủ cạo cho ông. Ông ở trần truồng đi còn hơn là ông mặc đồ của ông thí chủ cúng dường cho ông. Ông ngủ trên đất đi còn hơn là ngủ trên giường của ông thí chủ cúng dường cho ông.

Khi ông trụ trì ấy mắng nhiếc như vậy, Ngài Đại Đức ấy nín thinh không hề nói một tiếng nào, vì Ngài nghĩ rằng: Người tôi mê này sẽ bị đọa vào sâu trong ác đạo khi mà ta vẫn còn ở nơi này. Ngài nghĩ vậy liền đứng lên đi tìm nơi an lạc riêng của Ngài, sáng ngày không đến thọ thực ở nhà ông bá hộ ấy.

Sau khi mắng vị Thánh Tăng ấy xong, ông trụ trì về phòng mình. Đến sáng ngày, ông dậy sớm lo dọn dẹp chùa, quét lau sạch mọi nơi, múc nước đầy hết. Khi đi vào xóm thọ thực ông lấy đầu móng tay đánh chuông, ý ông không muốn cho vị Đại Đức đến hôm

qua nghe. Ông tưởng rằng: Ông Tỳ khuru mới đến chắc mệt mỏi không thể nào nghe tiếng chuông ta đánh bằng móng tay được. Sau khi đánh chuông xong một chập ông liền đập y mang bát vào xóm thợ thực.

Vị thí chủ chuẩn bị vật thực ngọt ngon dâng cúng cho hai vị. Khi thấy chỉ có một vị Đại Đức đến lấy làm lạ mới hỏi: Bạch Đại Đức còn vị Đại Đức kia đâu không thấy đến?

- Đừng hỏi đến ông ấy làm gì. Sau khi ông về, ông ấy vào phòng ngủ đến sáng, bàn đạo lo dọn quét xong xuôi; đánh chuông vang lên mà ông ấy cũng vẫn không hay chi hết.

Ông bá hộ nghĩ rằng: Vị Đại Đức hôm qua đây lục căn của Ngài thật thanh tịnh, giới đức trang nghiêm như ta, thấy, ta cũng dường trọng thể đến Ngài Đại Đức, nên nói gì Ngài đây chớ chẳng không? Mặc dầu nghĩ vậy nhưng ông là người trí thức vẫn cúng dường một cách cung kính, sau khi ông trụ trì ấy thọ thực xong, ông lấy bát của ông trụ trì rửa sạch để đồ ăn mới vào bát rồi nói: Bạch Đại Đức, nếu Ngài có gặp vị Đại Đức mới đến xin Ngài từ bi dâng vật thực trong bát này cho Ngài dùm tôi.

Sau khi thọ lãnh bát và nhận lời, ông trụ trì liền nghĩ: Nếu vị Tỳ khuru mới đến được thọ thực vật ngon như vậy thì ông ấy sẽ mến tiếc nơi này chắc ông ta ở luôn. Vậy ta nên đồ đồ ăn này bỏ đi là yên.

Trên đường về chùa ông không gặp vị Đại Đức ấy mà về đến chùa cũng không có Ngài. Với hai muôn năm vị trụ trì ấy hết lòng hành đạo giới đức trang nghiêm; nhưng sau khi quá vãng ông ta bị đọa vào A tỳ địa ngục kể ra thì dài đến hết thời gian của một vị Chánh đẳng Chánh giác. (Nghĩa là kể từ đời đức Phật Ca Diếp đến đức Thế Tôn của chúng ta hiện tại).

Đến thời kỳ đức Thế Tôn của chúng ta ông sanh vào một gia đình khá giả ở tại thành Vương Xá. Khi đứa bé ấy biết đi, không chịu nằm trên giường chiếu hay nệm mà chỉ thích nằm đất. Không chịu ăn vật thực chỉ thích cứ ăn phần của mình. Những người vú nuôi nghĩ: Chắc còn nhỏ nên chưa phân biệt được sạch dơ. Khi lớn lên lại thích ở trần truồng, ăn phần, ngủ đất thôi.

Cha mẹ nghĩ: Đây là con không nên nuôi trong gia đình. Nên cho nó vào ở với người tu đạo gọi là Jivaka .

Cha mẹ liền dẫn đứa bé ấy vào chùa của người tu theo đạo Jivaka. Đạo Jivaka nhận cho đứa bé ấy vào đạo. Sau khi xuất gia ông ta thường lấy tàu thốt nốt chẻ lấy cái da mỏng bện mà cạo đầu chớ không dùng dao cạo. Khi cạo đầu máu chảy và tóc tai coi sẵn sượng thật là khổ. Ông ta được tên là Jivaka .

Sáng hôm sau ngày xuất gia của ông ta, cha mẹ có thỉnh các vị tu đạo Jivaka về nhà cúng dường. Bọn ngoại đạo Jivaka báo ông ta rằng: Hôm nay cha mẹ người làm lễ cúng dường vậy người nên đi với chúng ta.

Vì không thích ăn vật thực nên nói: Xin quý vị cứ đi không nên lo gì tôi, tôi không đi đâu. Đợi cho những người ngoại đạo đi hết: Y mới vào cầu tiêu ra, bốc phần ăn no lòng. Về sau bọn ngoại đạo không hề thấy ông chịu ăn vật gì mặc dầu họ có đem vật thực ngọt ngon đến cho. Bọn ngoại đạo lấy làm lạ vì không biết lấy gì ăn mà không chịu ăn vật thực. Lâu ngày, vị trưởng lão của đạo Jivaka mới hỏi ông ta rằng: Tại sao ông không thọ thực những vật của chúng tôi đưa lại cho ông.

Ông ta đáp: Tôi đã có sẵn vật thực nơi đây rồi.

Bọn người ngoại đạo lấy làm lạ mới bàn với nhau rằng: Người này làm gì có vật thực sẵn sàng nơi đây hằng ngày, vậy chúng ta phải rình xem coi ông ta được vật thực từ đâu đến.

Ngày nọ bọn người ngoại đạo đi hết, nhưng vẫn còn người rình xem ông ta ăn gì. Khi ấy ông ta tưởng rằng: Người đều đi hết rồi, nên mở cửa tiêu vào hầm bốc phân ăn như những ngày trước. Những người rình thấy tình hình ghê gớm như vậy nên mới thừa cho vị trưởng lão trong chùa ấy hay. Các vị trưởng lão mới hội nhau lại bàn rằng: Tên này làm việc mà không ai có thể làm được thật là hèn hạ quá. Nếu các đệ tử của thầy Cô Đàm biết được họ lại đồn rằng: Bọn Jivaka là bọn ăn ph?n. Vậy chỉ còn có một lẽ là đuổi tên này ra khỏi đạo giáo của chúng ta ngay từ bây giờ.

Từ giờ phút ấy ông Jivaka bị khai trừ ra khỏi chùa của người tu đạo Jivaka. Khi ông Jivaka bị khai trừ ra khỏi giáo hội không biết phải ở nơi nào cho tiện.

Trong Vương Xá thành có một tảng đá to, người trong thành thường dùng nơi ấy như nhà vệ sinh công cộng. Ông Jivaka liền chọn ngay nơi ấy làm chỗ dung thân rất tiện cho ông ta mọi việc, ông ta ở nơi ấy đợi đến tối ra bốc phân ăn no nên không còn sợ ai rình rập, vì nào ai nghĩ ngờ việc ấy. Ban ngày nếu thấy người thì ông ta đứng một chân còn chân nọ thì đạp lên gối chân kia; tay vịn vào một tảng đá, mặt ngược lên trời, miệng há ra.

Người thấy ông ta làm như vậy mới hỏi: Thưa ông, tại sao ông đứng một chân, miệng há ra như vậy?

- Ta chỉ sống bằng vật thực là gió thôi.

- Thưa ông, vậy tại sao ông lại đứng một chân?

- Ta là người tu hành hạnh rất cao và rất tinh tấn, nếu ta đứng hai chân thì trái đất làm sao chịu nổi, sẽ rung chuyển, chúng sanh làm sao yên được. Vì vậy ta đứng một chân thôi. Ta đứng như thế này cả đời không hề nằm.

Người đời chỉ tin và nghe theo lời ca tụng quảng cáo; nên người trong hai xứ Anga và Ma Kiệt Đà đều tin rằng: Đây thật là người hành đạo chín chắn cao quý như không ai bằng. Lời ca tụng ấy truyền ra rất mau. Nên không bao lâu rất có nhiều người đến lễ bái và xin cúng dường vật thực quý giá, nhưng ông ta quyết định từ chối. Nhưng vì nhiều người yêu cầu không sao từ chối cho được, có kẻ khốc lóc van xin Ngài dùng cho chúng tôi được phước, xin Ngài vui lòng thọ thực để tế độ cho chúng tôi là người cần phước báu.

Ông ta nói: Thật ra ta không thích thọ thực món chi hết. Nhưng vì lòng trong sạch của các người ta không từ chối thêm được. Vì ta thọ thực thì làm cho phạm hạnh của ta bị như bản đi. Y nói xong liền lấy một cọng tranh nhúng vào mật, đường, sữa xong liếm lấy một ít nơi đầu lưỡi thôi. Xong y bảo thôi các người hãy đi đi để ta được yên tĩnh. Các người đã được nhiều phước rồi.

Ông ta hành như thế trót năm mươi lăm năm.

Ngày nọ, lúc rạng đông đức Th? Tôn trông thấy ông Jivaka có duyên với Ngài và sẽ hết nghiệp xấu xa được đắc Thánh quả. Đức Phật thấy rằng: Tên ngoại đạo tên Jambukàjivaka đã ở trong lưới của Như Lai. Người này sẽ đắc A-la-hán quả sau khi nghe lời giáo huấn của Như Lai lại đắc được Patisambhidà (Tàu dịch Tuệ Phân Tích). Cũng do nơi ngoại đạo này mà Như Lai độ được nhiều chúng sanh. (Từ đây đức Thế Tôn gọi tên ông ta là Jambukàjivaka).

Sáng ngày, đức Thế Tôn vào Vương Xá thành khát thực khi về chùa liễn báo Ananda rằng: Như Lai đi đến nơi của người ngoại đạo tên Jambukàjivaka .

Đức Ananda hỏi: Bạch đức Thế Tôn, Ngài ngự đi một mình chăng?

- Phải Như Lai ngự đi một mình.

Đức Thế Tôn ngự đến nơi ấy nhằm lúc xế chiều. Trước khi Ngài ngự đến nơi ấy chư Thiên đều biết. Thiên vương Đế Thích nghĩ rằng: Nơi cư ngụ của tên ngoại đạo Jivaka này thật là dơ ứ mùi hôi thối không sao chịu nổi, mà đức Thế Tôn lại ngự đến nơi ấy. Vậy chúng ta phải làm mưa to để rửa cho sạch những đồ ứ trước ấy đi. Khi ấy một trận mưa to đổ xuống làm cho những ứ trước ấy trôi đi hết, nơi ấy không còn có mùi xú ứ nữa.

Chiều lại đức Thế Tôn ngự đến nơi của Jambukàjivaka và gọi: Này Jambukàjivaka ơi!

Jambukàjivaka lấy làm lạ nghĩ rằng: Người lạ này là ai mà lại biết rõ tên ta là Jambukàjivaka vậy? Ông ta mới hỏi: Ai gọi tôi đó?

- Ta đây Jambukàjivaka .

- Có chuyện chi đó ông đại Sa môn?

- Hôm nay ta muốn xin ngời cho ta ở đậu nơi đây với ngời một đêm.

- Ông đại Sa môn ơi! Nơi đây không có chỗ nào hết.

- Jambukàjivaka , ngời không nên đối xử với Như Lai như vậy. Nên cho ta ở tạm một đêm. Đã gọi là người xuất gia thì nên giúp đỡ người xuất gia, người thế tục giúp đỡ người thế tục.

- Nói vậy ngời là người xuất gia sao?

- Phải Như Lai là người xuất gia.

- Nếu ngời là người xuất gia vậy dụng cụ của người xuất gia như bầu đựng nước của người để đâu? Và chi để làm lễ cúng dường của người đâu?

- Đồ ấy của Như Lai cũng có, nhưng mang theo nhiều thứ nặng nề khó khăn; nên chi Như Lai để những vật ấy vào bên trong hết.

Nghe vậy nổi giận nên hỏi: Nếu vậy, ngời không đem theo những món ấy sao?

Đức Thế Tôn vui vẻ đáp: Này Jambukàjivaka ơi, thôi chuyện ấy hãy dẹp lại một bên đi, chuyện cần hiện giờ là người nên cho Như Lai một chỗ ở tạm hôm nay thôi.

- Tôi đã nói nơi đây không có chỗ ở.

Đức Thế Tôn liền chỉ chỗ gần ấy và nói: Còn chỗ kia ai ở?

- Không có ai ở hết.

- Vậy người hãy để chỗ ấy cho Như Lai.

- Tùy ý người.

Đức Thế Tôn tự tay Ngài trải tọa cụ ra rồi ngồi nơi ấy. Đến canh một Tứ đại Thiên vương đến hầu đức Thế Tôn làm cho hào quang sáng rực. Jivaka lấy làm lạ mới nghĩ rằng: Ánh sáng gì đây?

Đến nửa đêm có Thiên vương Đế Thích đến hầu Phật, hào quang của Ngài còn sáng hơn Tứ đại Thiên Vương nhiều lắm cho Jivaka nghĩ ngờ không ít. Đến canh chót lại có Phạm Thiên đến hầu Phật hào quang của một vị Phạm Thiên sáng không chỉ đo lường được mặc dầu là mặt trời vẫn còn kém nhiều. Jivaka kinh khủng hơn khi thấy trong một đêm mà có ba việc khác lạ như vậy.

Đến sáng ngày, Jivaka mới hỏi: Ông đại Sa môn ơi, hồi đầu hôm ai đến chỗ của Ngài làm cho hào quang chiếu sáng một vùng vậy?

Đức Thế Tôn đáp:

- Đó là Tứ đại Thiên vương.

- Đến làm gì?

- Đến hầu Như Lai coi Như Lai có chuyện chi sai bảo chẳng?

- Nói vậy ông còn lớn hơn cả Tứ đại Thiên vương nữa sao?

- Phải vậy Jambukàjivaka, Như Lai là vị Pháp Vương cao quý hơn các hàng vương giả trong tam giới.

- Còn ai đến trong lúc nửa đêm?

- Đó là Thiên vương Đế Thích.

- Đến làm gì?

- Đến lo giúp việc cho Như Lai.

- Nếu vậy ông còn hơn cả Thiên vương Đế Thích nữa hay sao?

- Phải, Thiên vương Đế Thích ví như người thí chủ lo săn sóc bệnh hoạn cho Như Lai; hay cũng có thể ví như vị Sa di có phận sự giúp đỡ việc nhỏ nhặt trong tư thất của Như Lai.

- Vậy còn ai đến với ông canh chót?

- Các vị Bà la môn khi nhay mũi cùng gọi Namo Mahà Brahmano (có nghĩa là tôi xin qui y với Phạm Thiên) vị ấy là Đại Phạm Thiên.

- Vậy ông còn cao quý hơn cả Phạm Thiên nữa hay sao?

- Đúng vậy. Như Lai là vị Phạm Thiên cao quý hơn tất cả Phạm Thiên.

- Nay ông đại Sa môn; ông là một vĩ nhân phi thường hơn tất cả vĩ nhân. Ta ở đây đã năm mươi năm rồi. Những vị chư Thiên ấy không vị nào đến nơi ta ở để giúp đỡ ta, ta chỉ ăn gió đứng một chân từ bao giờ đến bây giờ. Nhưng các vị ấy không hề đến với ta.

Đức Thế Tôn dạy: Nay Jambukàjivaka, người có thể lừa gạt người đời được, vì những người ấy là kẻ tối mê, nay người lại muốn đổi gạt đến Như Lai. Người ăn toàn phân, ngủ trên mặt đất, cao đầu bằng bẹ thốt nốt, lỏa thể cả năm mươi năm nay rồi, mà

ngươi lại dối đời là: Ta ăn gió, đứng một chân, không ngồi chẳng nằm. Sờ dĩ mà ngươi hành như vậy là vì nghiệp chướng từ kiếp trước. Nay ngươi cũng vẫn còn có chấp tà kiến ấy nữa chăng?

- Nay ông đại Sa môn vậy ta làm nghiệp chướng gì trong kiếp trước?

Khi ấy đức Thế Tôn mới nhắc lại tiền kiếp của ông ta làm cho ông lấy làm kinh khủng tội lỗi ghê gớm ấy. Ông lập tức ngồi xuống. Đức Thế Tôn liền trao cho ông một cái choàng tắm. Khi ông bận xong liền đánh lễ đức Phật. Đức Thế Tôn liền thuyết pháp năm điều tuân tự Phạm ngữ gọi là ANUBUBBIKATHÀ (xem đoạn Đại Đức Yassa). Sau thời pháp ông đắc A-la-hán quả và cả Tuệ phân tích. Ông liền xin phép xuất gia. Khi ấy đức Thế Tôn đưa tay phải ra và dạy rằng: Ngươi hãy thành vị Tỷ khuru. Tức nhiên râu tóc đều rụng, và trên mình có đắp y và có bát đĩa như vị Tỷ khuru xuất gia từ lâu.

Cùng trong ngày ấy, dân chúng hai xứ Anga và Ma Kiệt Đà đem đồ lễ vật đến cúng dường cho ông Jivaka. Khi thấy có đức Thế Tôn ngự nơi ấy mới nghĩ rằng: Vậy Ngài Đại Đức của ta và ông Sa môn Cồ Đàm ai lớn hơn? Có người nghĩ rằng: Nếu ông Sa môn Cồ Đàm lớn hơn thì Ngài Đại Đức của ta phải tới chỗ của ông Cồ Đàm. Vì Ngài Đại Đức của ta lớn hơn nên ông Sa môn Cồ Đàm mới tới chỗ của Ngài Đại Đức ta.

Đức Thế Tôn hiểu ý nghĩ của những người có mặt nơi ấy nên Ngài dạy ông Jambukàjivaka rằng: Ngươi nên làm cho hàng đại chúng hết hoài nghi đi.

Ông Jambukà đánh lễ đức Thế Tôn và bạch rằng: Đệ tử cũng đã muốn làm như vậy, nhưng vẫn còn đợi lệnh của đức Bốn Sư. Nói xong ông nhập Tứ thiền xuất ra liền dùng thần thông bay lên cao độ một cây thốt nốt và nói: Bạch đức Thế Tôn tôi là đệ tử của Ngài. Nói xong đáp xuống chỗ cũ và đánh lễ đức Thế Tôn, rồi bay lên cao hơn lần thứ nhất một lần, và cũng nói như vậy đáp xuống đánh lễ. Ngài làm như vậy bảy lần.

Hàng đại chúng có mặt nơi ấy đều nghĩ rằng: Thật là chuyện phi thường của đấng Đại Giác.

Đức Thế Tôn thuyết: Ông Jambukà chỉ dùng cọng tranh chắm đồ vật thực của các vị đem đến để trên chót lưỡi vì ông nghĩ rằng: Ta có hạnh hạnh tinh tấn. Nếu ông ấy có cố hành như vậy đến hàng trăm năm cũng vẫn chưa bằng một phần trong mười sáu phần mà đã chia ra làm mười sáu lần (rời) của người hành đúng theo chánh pháp.

Đức Thế Tôn liền thuyết câu kệ:

MÀSE MÀSE KUSAGENA
BÀLO BHUNJETHA BHOJANAM
NA SO SANKHATADHAMMANAM
KALAM GACCHATI SALASIM.

Nghĩa: Kẻ thiếu trí hăng thọ thực bằng đầu cọng tranh mỗi tháng (một lần) người ấy cũng không thể sánh bằng một phần mười sáu đã chia ra làm mười sáu lần (rời) của người hành Chánh đạo là người đã hiểu thông pháp.

Chú giải: Ý đức Thế Tôn dạy: Người thiếu trí không thông hiểu pháp giải thoát là Giới, Định Huệ cố ý nghĩ và hành: Ta phải cố gắng tinh tấn, mỗi tháng chỉ dùng cọng tranh chắm vào vật thực mà dùng; Người hành như thế cả đời cũng chẳng bằng một phần mười sáu đã chia ra làm mười sáu lần của người đã hành theo chánh pháp trong một thời gian ngắn. Người hiểu thông pháp ý nói đắc đạo quả.

Sau khi dứt thời pháp có rất nhiều người đắc đạo quả và trở thành đệ tử Phật.

CHUYỆN THÀNH KOSAMBI

Bà Māgandiyā là Thứ hậu của vua Udena tại thành Kosambi. Bà là người rất oán ghét đức Phật. Bởi vì, khi bà chưa là Thứ hậu còn ở chung với ông chú là một vị Trưởng giả. Khi ông chú bà vào rừng chơi gặp đức Thế Tôn tướng hảo quang minh thật là đẹp nhưt của nam giới. Ông nghĩ chỉ có người này mới xứng đáng làm chồng của cháu ta. Ông liền biểu đức Thế Tôn ở nơi ấy đợi ông đem cháu lại gả cho. Ông về trang điểm cháu thật đẹp đem đến để g? cho Phật. Ông không biết rằng: Đây là đấng Đại Giác. Khi đem cháu đến, bà vợ trông thấy dấu chân đức Thế Tôn bà liền báo ông rằng: Dấu chân này là của đấng Đại Giác. Vì muốn độ vợ chồng ông Trưởng giả ấy nên đức Thế Tôn mới để dấu chân nơi cội cây. Khi tìm được đức Thế Tôn, ông Trưởng giả nói đem cháu lại gả. Đức Thế Tôn liền thuyết về thế trước, nghĩa là đức Thế Tôn dạy thân này không đẹp v.v... Bà Māgandiyā nghe vậy tức giận rằng: Đức Thế Tôn chê bà. Bà cật oan trái rằng: Bao giờ bà làm Hoàng hậu thì bà sẽ trả oán sự chê bà. Về sau bà làm Thứ hậu xứ Kosambi. Bà rất được đức vua sủng ái.

Khi ấy đức Thế Tôn lại ngự đến thành Kosambi và độ được bà Hoàng hậu đấng Tu-đà-hườn quả, làm cho bà Māgandiyā càng oán ghét đức Thế Tôn thêm. Bà không biết làm sao bà liền ra tiền thuê người chưởi mắng đức Thế Tôn. Dạy những người ấy chưởi những câu chưởi tệ nhưt trong lúc ấy có mười điều là: Thăng ăn trộm, thăng điều giả, thăng khùng, thăng lừa, thăng lạc đà, thăng bò, thăng địa ngục, thăng súc sanh, thăng không thể sanh cõi thiên đàng, thăng chi còn có con đường là địa ngục.

Đại Đức Ananda nghe người chưởi mắng những lời thô bỉ chịu không nổi, nên bạch với đức Thế Tôn rằng: Người thành này chưởi chúng ta quá, vậy chúng ta nên đi nơi khác.

- Bây giờ đi đâu đây Ananda ?

- Bạch đức Thế Tôn đi xứ khác.

- Nếu đến xứ khác mà người trong xứ ấy cũng chưởi ta thì đi đâu nữa Ananda ?

- Bạch đức Thế Tôn, thì chúng ta lại đi xứ khác nữa.

- Khi người xứ ấy chưởi nữa thì chúng ta làm sao hở Ananda ?

- Thì lại đi xứ khác nữa.

- Ananda ơi, chúng ta đi như vậy thật là thất sách. Vì chuyện gì phát sanh nơi nào thì tất lạng nơi ấy. Không nên đi nơi nào khác Ananda , này vậy người thấy người hạng nào chưởi mắng ta?

- Bạch đức Thế Tôn toàn là những hạng hạ lưu trong xã hội.

- Ananda ơi, chúng ta ví như tượng trợn. Vì tượng trợn phải nhẫn nại chịu tất cả các thứ khí cụ như tên, lao, giáo v.v... phạm tới nó, vì khi lâm trận không sao tránh khỏi đó là trách nhiệm. Sự nhẫn nại chịu những lời của kẻ vô si chưởi mắng là phận sự của kẻ tu hành. Rồi đức Thế Tôn thuyết câu kệ:

AHAM NÀGOVA SANGĀMAM
CĀPĀTO PATITAM SABAM
ATIVĀKYAN TITIKKHISSAM
DUSSILO HI BAHUJJANO.

Nghĩa: Ta phải nhẫn nại chịu lấy lời chưởi mắng, ví như tượng trợn chịu đựng tên đạn giữa trận; vì trong đời này người một phần đông là kẻ không có giới đức.

Phần đông thường có người tập được những con thú đã thuần thực rồi đến biểu diễn nơi công cộng. Khi có đức vua ngự đến xem con vật được tập thuần thực ấy biểu diễn. (Con vật này trở nên con vật hữu dụng). Trong nhóm người ai là người đã có tu hành (tập được hạnh nhân nại) người ấy mới chịu nổi được lời xi và, người ấy mới là người cao quý. Những con ngựa dữ, những con tượng dữ khi đã dạy được thuần thực rồi mới là con vật có giá trị cao quý. Cũng như người tự dạy mình được mới gọi là người cao thượng hơn những con thú ấy.

Chú giải: Tượng trận có nhiều tánh nhẫn nại với tất cả các thứ vũ khí khi lâm trận. Người tu hành cũng phải có nhẫn nại để chịu đựng những vũ khí tối độc của người là lời nói hay lời mắng nhiếc xi và. Những con thú dạy thuần như tượng trận thật là quý, nhưng con người đã dạy được mình càng quý vô cùng vô tận vậy.

SỰ BẤT HOÀ CỦA CHƯ TĂNG XỨ KOSAMBI

Tại chùa Ghositàrama gần thành Kosambi có hai nhóm Tỳ khuru là Pháp sư và Luật sư. Mỗi bên có năm trăm người đệ tử.

Ngày nọ, vị Pháp sư đi cầu lại quên để dư nước rửa chân ở trong chậu nước trong phòng vệ sinh rồi ra đi. Sau lại có vị Luật sư lại vào phòng vệ sinh, trong chậu nước còn dư nước, ông liền hỏi ông Pháp sư: Có phải Đại Đức để nước dư trong phòng vệ sinh không?

Ông Pháp sư đáp: Bạch Ngài, phải!

- Ngài có biết rằng: Nếu làm như thế là phạm vào điều học vì để dư nước sau khi đi cầu trong phòng vệ sinh không?

- Bạch Ngài, thật tôi không biết.

- Nếu Ngài không hiểu thì Ngài đã phạm vào điều học.

- Nếu vậy Ngài cho tôi xin sám hối điều lỗi ấy.

- Nếu điều này Ngài không có tác ý để làm thì vô tội.

Vị Pháp sư không biết mình là người phạm vào điều học.

Vị Luật sư khi về tới tư thất của mình liền nói với đệ tử mình rằng: Vị Pháp sư ấy đã phạm điều học mà cũng chẳng biết.

Bọn đệ tử của Luật sư gặp đệ tử của vị Pháp sư mới nói: Thầy tế độ của các ông phạm vào điều học mà cũng chẳng biết.

Đệ tử của vị Pháp sư về bạch việc ấy với thầy tế độ của mình. Vị Pháp sư nói: Vị Luật sư ấy đã nói với ta rằng: Không phạm tội vì không có tác ý. Giờ lại bảo là ta phạm tội. Vị Luật sư này phạm tội nói dối.

Khi đệ tử của vị Pháp sư gặp đệ tử của vị Luật sư trả đũa rằng: Thầy tế độ của quý vị phạm tội nói dối. Cả hai bên khi gặp nhau là nói tới chuyện phạm lỗi của nhau nên chuyện càng ngày càng to thêm lên, nguyên nhân chỉ chút nước dư trong phòng vệ sinh mà ra.

Sau khi gặp cơ hội thuận tiện các vị Luật sư lại hội nhau lại đọc tuyên ngôn khai trừ chư vị Pháp sư không cho dự lễ vì phạm điều học.

Kể từ ngày ấy đi trong chùa Ghositàrama chia ra làm hai phái rõ rệt và cũng ra mặt chống đối nhau. Khi ấy chư Tỳ khuru ni cũng chia ra làm hai phái, đến đôi chư Thiên trong chùa và chư Thiên cõi trời cùng Phạm Thiên cũng chia ra làm hai phe để chống nhau vì chấp rằng: Bên này phải bên kia quấy.

Đức Thế Tôn biết chuyện ấy Ngài liền gởi lời khuyên nhủ cả hai bên rằng: Này các thầy Tỳ khuru, các thầy nên hợp tác với nhau. Đến lần thứ nhì có vị Tỳ khuru bạch cho đức Thế Tôn hay rằng: Bạch đức Thế Tôn, hai phe ấy không có ý định hòa hợp nhau, đức Thế Tôn lại gởi nhắn nhủ lần thứ ba nữa. Ngài lại được tin rằng: Chư Tỳ khuru ấy đã chia rẽ nhau thật sự rồi.

Đức Thế Tôn phải thân hành ngự đến nơi ấy, Ngài dạy về cái hại của sự bất hòa, Ngài chỉ trích về sự tuyên ngôn khai trừ nhau, Ngài dạy phải cùng hòa hợp cử hành các lễ nhất là lễ Phát lồ ở cùng một nơi có lễ kết giới tại chùa Ghositàrama, Ngài truyền chư Tăng hãy hội lại nơi Tăng đường, Ngài dạy các vị ấy trải tọa cụ ngồi cách nhau một khoảng có thể một vị chen vào ngồi được. Mặc dầu đức Thế Tôn đã dạy như vậy nhưng Ngài lại nghe rằng: Mặc dầu vậy mà các vị ấy vẫn chẳng hòa. Đức Thế Tôn lại ngự đến chùa Ghositàrama một lần nữa và Ngài dạy rằng: Các thầy Tỳ khuru này, các thầy không nên bất hòa nhau. Này các thầy Tỳ khuru khi đã gọi là bất hòa, sự gây gổ, sự tranh giành và sự cãi vã nhau chỉ đem lại tai hại thôi, cũng như loài chim Latukikà (chim sâu) vì sự cãi vã nhau làm hại đến tượng. Rồi đức Thế Tôn dạy: Các thầy Tỳ khuru này, Như Lai xin các ông hãy hòa hợp nhau, nhiều ngàn chim se sẻ vì sự cãi vã và bất hòa nhau nên bị tiêu diệt hết.

Mặc dầu đức Thế Tôn hết lòng giảng dạy nhưng các thầy cũng chẳng vâng lời.

Khi ấy có một vị Tỳ khuru thấy đức Thế Tôn phải nhọc lòng như vậy Ngài lấy làm khổ tâm, nên bạch Phật rằng: Bạch hóa đức Đại Từ Bi, Ngài là đấng cứu thế vị Pháp Vương, xin đức Thế Tôn hãy tri túc, nghỉ cho an tịnh cõi lòng. Chúng tôi đã là hạng gây gổ nhau, tranh giành nhau. Mặc dầu đức Thế Tôn có nói đến chuyện ngài Dighati bị đức vua Brahmadata giết, Thái tử Dighati cũng vẫn không cột oan trái oán thù. Khi mà đức Thế Tôn có dạy thêm rằng: Các thầy Tỳ khuru này, sự nhẫn nại và sự yên lặng của Thái tử Dighati không trả thù cho cha như vậy. Các người là người tu cũng chẳng nên oán thù gây gổ nhau chi, nên coi gương ấy và nên hành theo, nên yên tịnh tu hành cho mau giải thoát. Mặc dầu đức Thế Tôn có dạy như thế thì Ngài cũng không thể làm cho chúng tôi đoàn kết lại được đâu.

Đức Thế Tôn thấy bọn này khó dạy, không vâng lời, nên Ngài nghĩ: Ta ở lại đây cũng chẳng ích chi. Ngài liền vào khất thực tại thành Kosambì mà không nói cho vị Tỳ khuru nào biết cả, sau khi khất thực xong Ngài đi thẳng đến Bālakalona-kàrama một mình, Ngài lại từ ấy đi thẳng vào rừng Pārileyaka. Ngài đến ngự dưới một cội cây to và nhập hạ nơi rừng ấy.

Đồng thời ấy có tượng chúa đoàn trông thấy sự ở chung với đoàn rất bức mình nên cũng đi ở riêng trong rừng ấy và gặp được đức Thế Tôn. Tượng chúa lấy làm trong sạch với đức hạnh thanh cao của đức Thế Tôn hết lòng hầu hạ Ngài hết ba tháng hạ. Nơi đây có hai vị chúa tể là vị PHÁP VƯƠNG và TƯỢNG CHÚA.

Khi Thiện nam Tín nữ đến chùa không thấy có đức Thế Tôn, mới hỏi: Bạch chư đại đức, Đức Thế Tôn ngự nơi nào?

- Đức Thế Tôn đã ngự vào rừng Pārileyaka rồi.

- Bạch Đại đức, tại sao đức Thế Tôn lại vào ở rừng như vậy?

- Sợ dĩ mà Đức Thế Tôn vào ở nơi rừng thẳm như vậy, vì Ngài hết lòng dạy chúng phải hòa nhau, nhưng chúng ta không vâng lời Ngài nên Ngài đi ở nơi yên tịnh.

- Bạch chư Đại Đức, quý Ngài xuất gia theo giáo pháp của Phật nhưng khi các Ngài bắt hòa đức Thế Tôn khuyên bảo, mà các Ngài lại không vâng lời sao?

- Chúng ta không hòa nhau.

Thiên tín nghĩ rằng: Những vị Tỳ khuru xuất gia theo Phật, khi Ngài dạy hãy hòa nhau mà các thầy không hòa. Chúng ta không được hầu hạ cúng dường và thỉnh pháp của Ngài cũng vì các vị Tỳ khuru này. Chúng ta chẳng nên cúng dường tứ vật dụng đến các vị ấy nữa mà cũng chẳng kính trọng các thầy ấy làm gì.

Kể từ ngày ấy đi, không còn người tín đồ nào vào chùa cúng dường cho các vị Tỳ khuru ấy. Chỉ đôi ba ngày sau bị đói khát chịu không nổi nên tìm nhau để sám hối tội lỗi của nhau. Xong rồi mới mời tín đồ đến để nói rằng: Hiện nay chúng ta đã xin lỗi và sám hối nhau rồi. Vậy xin quý vị hãy trở lại với chúng ta.

- Vậy quý Ngài đã xin lỗi và sám hối với đức Thế Tôn chưa?

- Chưa.

- Vậy xin quý vị đi xin lỗi và sám hối với đức Thế Tôn trước đã. Riêng chúng tôi sẽ trở lại với quý Ngài là sau khi quý Ngài đã sám hối với đức Thế Tôn xong rồi.

Các vị Tỳ khuru không sao đến nơi Phật ngự được vì trong lúc đang còn trong Hạ.

Khi ấy đức Thế Tôn ngự tại rừng Pārileyyaka thật là an nhàn, mọi việc đều có tượng chúa Pārileyyaka lo thật chu đáo. Trước khi muốn giúp làm việc cho Phật thật là bỡ ngỡ vì không biết làm sao mức nước lên, nên tượng tìm một cây to đập cho ngã xuống, đâm đứt từng đoạn xong chà một khúc cho tròn như cái bát dùng ngà khoan thành lỗ dùi mãi thành ra một cái gàu nước để dâng đức Thế Tôn rửa tay chân. Khi muốn có nước nóng dâng Phật tắm, dùng vòi kéo ra một tảng đá to xong ôm lấy cây chà đến để quanh tảng đá đập đá văng lửa cháy những lá khô bắt cây cháy, khi biết đá nóng. Tượng dùng một khúc cây đẩy tảng đá ấy xuống ao nước gần bên làm cho nước nóng. Lấy gàu mức nước mang lên dâng Phật tắm, khi ấy tượng đi mang chõang tắm đến dâng Phật Ngài hỏi: Có nước nóng rồi phải chăng Pārileyyaka. Đức Thế Tôn đi theo sau tượng đến nơi thường tắm là có nước sẵn.

Khi đức Thế Tôn vào làng khát thực tượng liền mang bát để lên đầu đi theo sau. Khi đến ven rừng, Đức Thế Tôn dạy: Pārileyyaka, kể từ nơi này đi người không thể theo Như Lai được. Vậy người hãy trao bát cho Như Lai.

Tượng chúa trao bát cho đức Thế Tôn, Ngài vào làng khát thực còn tượng thì tìm chỗ nào yên tịnh đợi đón đức Thế Tôn về. Khi đức Thế Tôn về đến tượng chúa liền tiếp lấy bát để trên đầu rồi theo đức Thế Tôn về rừng. Khi đến nơi để bát vào nơi đức Thế Tôn hằng ngồi thọ thực, lấy gáo mức nước hầu hạ không khác một ông Sa di nếu không nói là Đại Đức Ananda. Khi đức Thế Tôn thọ thực tượng bẻ nhánh cây quạt hầu Ngài. Đêm lại tượng bẻ khúc cây to cắm nơi vòi đi quanh nơi Phật ngự, vì sợ những thú dữ đến làm hại Ngài. Từ ngày đức Thế Tôn ngự lại tại rừng ấy với tượng chúa, rừng ấy đổi tên là Rakkhitavanasanda, nghĩa là khúc rừng có canh phòng cẩn mật. Tượng chúa hành động như vậy kể từ ngày gặp Phật.

Đồng thời tượng hầu hạ đức Thế Tôn như vậy, cũng có một con khi chúa, thường để ý thấy tượng hầu hạ đức Phật cũng phát tâm trong sạch nghĩ rằng: Vậy ta phải có gì dâng

cúng đến Ngài? Từ ngày ấy đi khi nhứt định phải tìm làm một việc gì hữu ích chi cho đời mình. Ngày nọ khi trông thấy một tổ ong không còn có ong ở nữa, nên rất mừng bề nguyên một nhánh ấy đem đến dâng cúng đến đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn liền thọ lãnh. Khi ngồi nơi xa để coi Phật làm sao và nghĩ rằng: Đợi coi đức Thế Tôn có thọ thực đồ ta cúng dường không? Khi thấy đức Thế Tôn thọ lãnh xong ngồi yên thì lấy làm lạ nghĩ: Tại sao Ngài không thọ thực? Khi liền đến cầm lấy coi có những gì mà Ngài không thọ thực. Khi xem rõ thấy còn những con ong con, khi liền lần lần khều những con ong con ấy ra hết đem dâng lại cho đức Thế Tôn một lần nữa. Lần này Ngài thọ lãnh và thọ thực, khi thấy vậy lấy làm thỏa thích nhảy nhót vui mừng. Vì quá vui nên nhảy lên nhánh cây thật cao rồi nhảy xuống, rất rui nhảm nhánh cây khô và sức nhảy nặng nên gãy, khi mất thăng bằng không gượng được nên té luôn xuống hố nhảm nơi cây nhọn làm khi chết tại chỗ. Nhờ khi chết tâm vui mừng trong việc làm của mình nên được sanh về cõi trời Đạo Lợi trong toà lầu bằng vàng cao ba mươi do tuần.

Sự nhập hạ của đức Thế Tôn trong rừng Rakkhavana với tượng chúa Pàrileyaka ai ai cũng biết. Vì vậy các vị đại thí chủ như ông Cấp Cô Độc, bà Visàkhà v.v... Nghe vậy liền viết thư tới đức Ananda rằng: Xin Đại Đức phải làm sao thỉnh cầu đức Thế Tôn về cho chúng tôi.

Sau khi ra hạ xong có năm trăm vị Tỷ khuru vào hầu Đại Đức Ananda yêu cầu Ngài rằng: Bạch Đại Đức chúng tôi không được nghe lời vàng ngọc của đức Từ Phụ lâu lắm rồi, chúng tôi phải làm sao mới được nghe pháp giải thoát của Ngài. Ngài vui lòng cho chúng tôi cúng đi với Ngài.

Đại Đức Ananda dẫn các vị ấy cùng đi với Ngài. Khi đến ven rừng Ngài nghĩ rằng: Không nên đem các vị này vào hầu Phật, vì Ngài đã ở nơi rừng vắng hằng ba tháng rồi. Ngài đề nghị chư vị Tỷ khuru ấy phải ở ngoài ven rừng đợi Ngài.

Tượng chúa trong thấy Đại Đức từ xa đến lập tức bề một cành cây to chạy ngay đến hướng Ngài Đại Đức đi đến. Đức Thế Tôn trông thấy liền dạy rằng: Pàrileyaka oi, hãy ngừng lại và đứng dang ra, vị Tỷ khuru ấy là đệ tử hầu Như Lai. Tượng bỏ cành cây xuống nhưng tỏ ra không có thiện cảm với Đại Đức là không tiếp lấy bát của Đại Đức. Tượng nghĩ rằng: Nếu thật thầy Tỷ khuru này là đệ tử Phật, thì không bao giờ để bát trên bát của Phật.

Đại Đức Ananda là vị đệ tử rất chu đáo nên sự hành động của Ngài rất vừa lòng tượng chúa. Tượng chúa phát tâm trong sạch kính nể Ngài Đại Đức. Khi Ngài Đại Đức làm xong phận sự rồi đánh lễ đức Thế Tôn ngồi nơi phải lễ.

Đức Thế Tôn phán hỏi: Ananda, người đến đây một mình người sao?

Đại Đức đáp: Bạch đức Thế Tôn, đệ tử đến đây với năm trăm vị Tỷ khuru.

Đức Thế Tôn hỏi: Vậy các vị ấy ở đâu?

- Vì đệ tử chưa biết đức Thế Tôn định thế nào? Nên đệ tử để các vị ấy ở ngoài rừng, vào đây một mình thôi.

- Người hãy gọi các vị ấy vào đây.

Đại Đức Ananda vâng lời đi gọi chư Đại Đức ấy vào hầu Phật. Khi đánh lễ xong liền ngồi nơi phải lễ. Rồi bạch đức Thế Tôn rằng: Bạch đức Thế Tôn, Ngài là vị Pháp Vương cao quý, khi Ngài còn ở đời Ngài là vị Đế vương. Hôm nay Ngài lại ở nơi rừng hoang vắng như thế này cả ba tháng hạ là chuyện thật khó làm. Chắc không ai hầu hạ Ngài sớm trưa lo nước lạnh và nước uống cho Ngài.

Đức Thế Tôn dạy: Này các thầy Tỳ khuru, những việc người vừa nói đã có tượng chủa Pàrileyaka lo cho Như Lai thật chu đáo. Sự có được người bạn như thế này ở gần bên thật là cao quý. Rồi đức Thế Tôn thuyết ba câu kệ:

Nếu người có được người bạn có trí tuệ để giữ mình, trí tuệ nhớ hiểu nhiều, người có đặc ân là làm cho được kết quả lợi ích cùng đi chung nhau (Người mà có được người bạn hoàn toàn như vậy) thì nên mãn nguyện (vì người bạn ấy) có trí nhớ (giúp ta) chặn đứng các tai hại đang ở bên ta và đang tìm thể làm hại ta, khi đã đi chung với người bạn như vậy (thì thật an vui).

Nếu người không có được người bạn có trí tuệ giữ mình, có trí tuệ hiểu nhiều, có đặc ân là làm cho những sự lợi ích kết quả đến cùng đi chung nhau. (Người không có bạn như vậy) nên đi một mình. Ví như vị minh quân bỏ cả quốc gia ra đi một mình (vì Ngài trông thấy cái hại của ngai vàng). Hay ví như tượng chúa tên Matanga bỏ đoàn ra đi ở nơi rừng vắng một mình.

Sự đi một mình còn cao quý hơn có bạn là kẻ hung ác, ngu dại cùng đi chung. Người không có bạn ác như nói trên cùng đi chung. Người ấy có trí túc, ở nơi thanh vắng một mình không làm tội lỗi; cũng như tượng chúa Matanga có sự trí túc ở một mình và không làm tội lỗi.

Sau khi dứt câu kệ năm trăm vị Tỳ khuru đắc A-la-hán quả. Đại Đức Ananda liền bạch Phật rằng: Các đại thí chủ như Trưởng giả Cấp Cô Độc, bà Visàkhà v.v... có gởi thơ đến cầu xin đức Thế Tôn yêu cầu đức Thế Tôn về vì tất cả đệ tử đều mong nhớ Ngài.

Đức Thế Tôn dạy: Nếu vậy người hãy mang bát đi. Đức Thế Tôn liền trao y, bát cho Đại Đức Ananda. Tượng chúa trông thấy vậy liền đứng cản đường. Chư Tăng thấy lạ mới bạch hỏi Phật: Bạch đức Thế Tôn, tượng chúa tỏ ý muốn gì vậy?

- Này các vị, tượng chúa muốn cúng dường cho các vị. Tượng chúa này đã dày công giúp đỡ Như Lai rất nhiều, vậy không nên làm cho tượng thất vọng. Này các thầy, vậy các thầy phải nán ở lại đây. Rồi đức Thế Tôn và chư Đại Đức đồng trở lại chỗ cũ.

Tượng liền vào rừng bẻ các thứ trái cây ngon ngọt thơm rất quý đem về chia ra từng phần đủ dâng đến năm trăm vị Tỳ khuru. Sau khi thọ thực xong, đức Thế Tôn liền đứng dậy ra đi về thành. Tượng liền vào đứng ngăn giữa chư Tăng và đức Thế Tôn. Chư Tăng thấy vậy lấy làm lạ hỏi đức Thế Tôn: Bạch đức Thế Tôn, tượng chúa làm chi đây?

- Này các thầy Tỳ khuru, tượng muốn đưa các người đi còn Như Lai thì ở lại. Rồi đức Thế Tôn liền nói với tượng: Tượng Pàrileyaka ơi, hôm nay Như Lai phải đi và không trở lại. Trong kiếp này, Thiên định hay Minh sát tuệ hoặc đạo, quả người không thể nào đắc được đâu, người hãy ngừng và ở lại nơi đây.

Tượng nghe đức Thế Tôn dạy vậy liền dứt vòi vào miệng rống lên, rồi tránh đường cho đức Thế Tôn ngự đi, tượng từ từ theo sau. Khi đến ven rừng, đức Thế Tôn liền dừng lại nói với tượng Pàrileyaka rằng: Này Pàrileyaka ơi, kể từ chỗ này đi tới không phải là chỗ của người có thể đi đến được đâu, đó là chỗ ở của người đời nơi ấy có rất nhiều tai hại nguy hiểm quanh mình, người nên ở lại nơi này là hơn.

Tượng nghe Phật dạy liền đứng lại hai hàng nước mắt rưng rưng nhìn theo đức Thế Tôn ngự đi với hàng Tăng lữ. Khi đức Thế Tôn ngự đi vừa khuất tầm mắt thì tượng chúa vừa ngã xuống chết liền; liền khi ấy được sanh về cõi trời Đạo Lợi có tòa lầu cao bằng vàng ba mươi do tuần. Có tên là Pàrileyaka. Đức Thế Tôn ngự về Kỳ Viên tịnh xá.

Chư Tỳ khuru thành Kosambì nghe tin đức Thế Tôn đã ngự về thành Thất La Phiệt, liền kéo nhau đến hầu Phật.

Đức vua Ba Tư Nặc được tin rằng: Các vị Tỳ khuru thành Kosambì chia rẽ nhau sẽ đến Kỳ Viên tịnh xá. Ngài lập tức ngự vào chùa hầu Phật và bạch: Bạch đức Thế Tôn trăm bề ra lệnh cấm không cho các vị Tỳ khuru thành Kosambì vào xứ của trăm.

- Tâu Đại vương, các vị Tỳ khuru ấy toàn là hạng có giới đức nhưng chỉ không vâng lời Như Lai vì họ gây nhau thù, hiện nay bọn họ đến đây để xin sám hối với Như Lai. Vậy xin Đại vương rộng lượng để các vị ấy đến.

Ông Trưởng giả Cấp Cô Độc bạch Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn đệ tử sẽ không bằng lòng cho các vị ấy vào tịnh xá này.

Đức Thế Tôn cũng khuyên ông không nên cố chấp chuyện đã qua khi mà người ta đã biết chừa bỏ tội lỗi.

Khi các vị Tỳ khuru ấy đến thành Thất La Phiệt, đức Thế Tôn dạy cho các thầy ấy đến ở một nơi thanh tịnh, không có một vị Tỳ khuru nào đến gần chư Tỳ khuru Kosambì.

Có người đến hỏi:

- Bạch đức Thế Tôn, nhóm Tỳ khuru nào ở thành Kosambì đến đây là các vị tạo ra sự chia rẽ gây gỗ nhau.

- Bọn các thầy ấy ở bên kia.

Chư Tỳ khuru thành Kosambì bị các người ấy độn chí mặt nói: Đây là bọn Tỳ khuru Kosambì tạo ra sự chia rẽ, bất tuân lệnh bề trên. Các vị Tỳ khuru ấy không sao ngược mặt lên được vì quá hổ thẹn với lỗi lầm của mình. Liên đến quì dưới chân đức Thế Tôn xin sám hối tội lỗi đã làm vì tội mê.

Đức Thế Tôn dạy: Nay các thầy Tỳ khuru, các thầy làm một việc thật đáng chi trích nặng nề. Các người đã được xuất gia theo đấng Giác ngộ như Như Lai; trong khi các người được Như Lai khuyên như hãy hòa hợp nhau mà các người không vâng theo. Khi xưa bực trí vâng lời dạy của cha mẹ khi chính mắt thấy cha mẹ bị người nghịch đem ra pháp trường xử tử. Sau được dịp trả thù nhưng không trả thù và không dám vi phạm lời giáo huấn của song thân, nhờ vậy sau được vợ lại được làm vua hai xứ. Rồi đức Thế Tôn thuyết Túc Sanh truyện của Dighayu rằng: Nay các thầy Tỳ khuru, ông Dighayu khi thấy cha mẹ bị đem xử tử nơi pháp trường, mà vẫn không dám quên lời giáo huấn của cha mẹ là không nên lấy oán trả oán trái. Sau lại đức vua Brahmadatta biết liền nhường ngai vàng và gả công chúa cho được làm vua hai xứ. Còn các người là đệ tử của đấng Đại Giác mà không thừa hành theo pháp giải thoát. Đức Thế Tôn thuyết câu kệ:

PARE CA NA VIJĀNANTI
MAYAM ETTHA YAMĀMASE
YE CA TATTHA VIJĀNATI
TATO SAMMANTI MEDHAGĀ.

Nghĩa: Người khác không biết mình rằng; Chúng ta bị bầm dập giữa hàng Tăng chúng. Chỉ có người nào trong nhóm người ấy biết rằng: Sự thù oán văng lạng vì sự hành động của người ấy.

Chú giải: Ý câu kệ này dạy rằng: Những người nào cố tạo ra sự chia rẽ vì những người ấy không bao giờ biết rằng: Chúng ta sẽ bị lụn bại hay phải đi đến gần tử thần. Chỉ có các bậc trí thức biết rằng: Nếu chúng ta cãi vã nhau, chia rẽ nhau thì phải đi đến nơi tiêu diệt (tử thần). Khi người nhìn thấy lẽ phải như vậy nên hành hầu cho tâm được yên lặng, thì tức nhiên các sự gây gỗ cãi vã sẽ tiêu diệt vì sự hành động chân chánh của các vị trí thức ấy.

Hơn nữa, các người mà Như Lai đã dạy rằng: Này các thầy Tỳ khưu các thầy không nên cãi vã gây gỗ nhau, không nên chia rẽ nhau. Các thầy không vâng lời ta những người ấy là người khác trong câu kệ.

-ooOoo-

[Trang trước](#) | [Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [Trang kế](#)

Chân thành cảm ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 04-2001)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

update: 25-04-2001